

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXIII

### Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 5

Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn suy nghĩ thế này: “Pháp nào có thể làm nhân gần cho Đại Niết-bàn?”. Bồ-tát liền biết có bốn thứ pháp có thể làm nhân gần cho Đại Niết-bàn. Nếu nói siêng tu tất cả khổ hạnh là nhân gần của Đại Niết-bàn thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu lìa khỏi bốn pháp mà đắc Niết-bàn thì đó là điều không có. Những gì là bốn pháp? Một là thân cận bạn lành, hai là chuyên tâm nghe pháp, ba là buộc ý niệm tư duy, bốn là như pháp tu hành. Nay thiện nam! Ví như có người, thân mắc mọi thứ bệnh hoặc nóng, hoặc lạnh, ho lao, sốt rét và mọi thứ tà quỷ độc hại, đi đến chỗ thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc giỏi liền vì người ấy theo bệnh cho toa. Người này chí tâm khéo theo lời dặn của thầy thuốc, rồi theo lời dặn mà pha chế thuốc, theo đúng như pháp uống thuốc, uống xong bệnh khỏi, thân được an vui. Người có bệnh là ví các Bồ-tát. Vị đại lương y là ví cho thiện tri thức. Lời dặn của lương y là ví kinh Phương Đẳng. Khéo thọ lời dặn của thầy thuốc là ví cho sự khéo suy nghĩ nghĩa của kinh Phương Đẳng. Theo lời dặn pha chế thuốc là ví cho việc theo đúng như pháp tu hành Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bệnh trừ khỏi là ví cho việc diệt phiền não. Được an vui là ví cho việc được Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Nay thiện nam! Ví như có vị vua muốn theo đúng như pháp cai trị khiến cho dân an vui, bèn hỏi các bề tôi trí tuệ, pháp ấy là gì. Các bề tôi liền đem pháp xưa của

tiên vương mà nói cho vua nghe. Vua đã nghe rồi, chí tâm tin làm, đúng như pháp trị nước, không có các oán địch, nên khiến cho dân an vui, không có hoạn nạn. Nay thiện nam! Vua là ví cho các vị Bồ-tát. Các bề tôi trí tuệ là ví thiện tri thức. Lời nói pháp trị của bề tôi trí tuệ vì vua là ví mười hai bộ loại kinh điển. Vua đã nghe rồi chí tâm tin làm là ví các vị Bồ-tát ràng buộc tâm suy nghĩ nghĩa thâm diệu của mười hai bộ loại kinh điển. Theo đúng như pháp trị nước là ví các Bồ-tát theo đúng như pháp tu hành như sáu pháp Ba-la-mật. Do có thể tu tập sáu pháp Ba-la-mật nên không có oán địch là ví các Bồ-tát đã lìa khỏi những tặc ác phiền não kiết. Được an vui là ví các Bồ-tát được Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Nay thiện nam! Ví như có người mắc bệnh hủi, có thiện tri thức nói với ông ta: “Nếu ông có thể đến bên núi Tu-di thì bệnh có thể được khỏi. Vì sao? Vì ở đó có thuốc hay, vị như cam lồ. Nếu có thể được uống thì không gì chẳng khỏi”. Người bệnh ấy chí tâm tin việc này, rồi liền đi đến núi đó, tìm uống cam lồ thì bệnh ấy trừ khỏi, thân được an vui. Người bệnh hủi ví cho các phàm phu. Thiện tri thức ví cho các Bồ-tát v.v... chí tâm tin thọ ví cho bốn tâm vô lượng. Núi Tu-di ví cho tám Thánh đạo. Vị cam lồ ví cho Phật tánh. Bệnh hủi trừ khỏi ví cho diệt phiền não. Được yên vui ví cho được Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Nay thiện nam! Ví như có người nuôi các đệ tử thông minh đại trí. Người này ngày đêm thường dạy bảo họ chẳng mệt mỏi. Các Bồ-tát v.v... cũng như vậy, tất cả chúng sinh có tin hay chẳng tin đều thường giáo hóa không có mệt mỏi. Nay thiện nam! Thiện tri thức là Phật, Bồ-tát, Phật-bích-chi, Thanh văn, kể tin kinh Phương Đẳng trong loài người. Vì sao gọi là thiện tri thức? Thiện tri thức thì có thể dạy bảo các chúng sinh xa lìa mười ác, tu hành mười thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, thiện tri thức là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói. Sao gọi là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói? Tự chẳng sát sinh, dạy người chẳng sát sinh cho đến tự làm theo chánh kiến, dạy người chánh kiến. Nếu có thể như vậy thì được gọi là chân thiện tri thức. Tự tu Bồ-đề, cũng dạy người tu hạnh Bồ-đề, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Tự có thể tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cũng có thể dạy người tín, giới, bố thí, đa văn, trí

tuệ, lại do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Người thiện tri thức thì có pháp thiện. Những gì là pháp thiện? Việc của mình làm chẳng cầu vui cho mình, thường vì chúng sinh mà cầu an vui. Thấy người khác có lỗi chẳng nói ra sở đoán của họ. Miệng thường tuyên nói toàn việc thiện. Do những nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Như vầng trăng trong không, từ ngày mùng một đến ngày mười lăm tăng trưởng dần dần. Thiện tri thức cũng như vậy, khiến cho những người học xa dần pháp ác, tăng trưởng pháp thiện. Đây thiện nam! Nếu có người thân cận thiện tri thức mà vốn chưa có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì liền có những thứ đó, chưa đầy đủ thì được rộng thêm. Vì sao? Vì do thân cận thiện tri thức ấy. Nhân sự thân cận này được thấu rõ nghĩa thâm diệu của Mười hai bộ loại kinh điển. Nếu người có thể nghe nghĩa thâm diệu của Mười hai bộ loại kinh điển này thì gọi là nghe pháp.

Nghe pháp tức là nghe kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng này. Nghe kinh Phương Đẳng thì gọi là nghe pháp một cách chân chánh. Nghe pháp một cách chân chánh tức là nghe thọ kinh Đại Niết-bàn. Trong kinh Đại Niết-bàn nghe có Phật tánh, Như Lai rốt ráo không nhập Niết-bàn. Vậy nên gọi là chuyên tâm nghe pháp, mà chuyên tâm nghe pháp gọi là tám Thánh đạo. Do tám Thánh đạo có thể đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si nên gọi là nghe pháp. Luận về nghe pháp là gọi mười một pháp không. Vì những pháp không này đối với tất cả pháp chẳng tạo tác tướng mạo. Luận về nghe pháp là gọi tâm mới phát cho đến tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo. Vì do tâm ban đầu mà đắc Đại Niết-bàn, chẳng do nghe đắc Đại Niết-bàn, mà do tu tập nên đắc Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như người bệnh tuy nghe lời dạy bảo của thầy thuốc và tên các vị thuốc thì chẳng thể khỏi bệnh mà cần phải uống thuốc mới trừ khỏi bệnh. Tuy nghe pháp mười hai nhân duyên thâm diệu nhưng chẳng thể đoạn diệt tất cả phiền não mà cần phải buộc niệm khéo tư duy mới có thể đoạn trừ được. Đó gọi là pháp thứ ba nhiếp niệm tư duy.

Lại nữa, do nghĩa gì gọi là nhiếp niệm tư duy? Đó gọi là ba Tam-muội: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Không là đối với hai mươi lăm cõi chẳng thấy một cái gì thật cả. Vô tác là đối với hai mươi lăm

cõi chẳng khởi sự mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng, đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt, tướng nam, tướng nữ. Tu tập ba Tam-muội như vậy thì đó gọi là Bồ-tát nhiếp niệm tư duy.

Sao gọi là đúng như pháp tu hành? Như pháp tu hành tức là tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, biết tướng chân thật của ấm, giới, nhập, cũng biết Thanh văn, Duyên giác và chư Phật đồng một đạo, mà pháp Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết, chẳng đói, chẳng khát, chẳng khổ, chẳng não, chẳng thoái, chẳng mất. Này thiện nam! Hiểu được nghĩa thâm diệu của Đại Niết-bàn thì biết chư Phật nhất định chẳng rốt ráo vào Niết-bàn.

Này thiện nam! Thiện tri thức chân thật đệ nhất là gọi Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì các vị thường dùng ba thứ thiện để điều ngự. Những gì là ba? Một là lời nói êm dịu rất ráo, hai là lời quở trách rất ráo, ba là lời quở trách êm dịu. Do nghĩa này nên Bồ-tát, chư Phật tức là thiện tri thức rất ráo. Lại nữa, này thiện nam! Phật và Bồ-tát là bậc đại y nên gọi là thiện tri thức. Vì sao? Vì các vị biết bệnh, biết thuốc và tùy bệnh mà cho thuốc. Ví như vị lương y giỏi tám thứ y thuật, trước tiên xem tướng bệnh. Tướng bệnh có ba thứ. Những gì là ba? Đó là phong, nhiệt, thủy. Người bệnh về phong thì trao cho tô du. Người bệnh về nhiệt thì trao cho thạch mật (đường táng). Người bệnh về nước thì trao cho nước gừng nóng. Do biết căn bệnh cho thuốc được khỏi nên gọi là lương y. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, biết bệnh của các phàm phu có ba thứ, một là tham dục, hai là sân hận, ba là ngu si. Người bệnh về tham dục thì dạy quán tướng xương khô. Người bệnh về sân hận thì dạy quán tướng từ bi. Người bệnh về ngu si thì dạy quán tướng mười hai nhân duyên. Do nghĩa này nên chư Phật Bồ-tát được gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Ví như vị thuyền sư giỏi đưa người nên gọi là đại thuyền sư. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, đưa các chúng sinh qua biển lớn sinh tử. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam! Nhờ Phật, Bồ-tát làm cho các chúng sinh tu hành đạt được đầy đủ căn bản pháp thiện. Này thiện nam! Ví như núi Tuyết mới là chỗ cội gốc của

đủ thứ thuốc hay vi diệu. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, đều là chỗ nguồn gốc của tất cả thiện căn. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Trong núi Tuyết có thứ thuốc rất thơm tên là Ta-ha mà có người nhìn thấy nó thì được sống lâu không lờng, không có bệnh khổ, tuy có bốn thứ độc nhưng chẳng thể gây tổn thương. Nếu có người chạm đến nó thì tăng trưởng thọ mạng đầy một trăm hai mươi năm. Nếu có người nghĩ đến nó thì được trí tức mạng. Vì sao? Vì hiệu lực của thuốc. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, nếu có người thấy liền đoạn trừ tất cả phiền não, tuy có bốn ma nhưng chẳng thể gây rối loạn. Nếu có người tiếp xúc thì mạng chẳng thể chết yếu, chẳng sinh, chẳng chết, chẳng thoái, chẳng chìm đắm. Nghĩa là người tiếp xúc, hoặc ở bên Phật nghe thọ diệu pháp. Nếu có người nghĩ đến thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như trong núi Hương có ao A-nậu-đạt. Do ao này nên có bốn dòng sông lớn, đó là sông Hằng, Tân-đầu, Tư-đà, Bác-xoa. Chúng sinh ở thế gian thường nói: “Nếu người có tội tắm ở bốn dòng sông này thì mọi tội được trừ diệt”. Ông phải biết lời nói này là hư dối chẳng thật. Trừ việc này ra, thì những gì là thật? Chư Phật, Bồ-tát mới chính là thật. Vì sao? Vì nếu người thân cận chư Phật Bồ-tát thì được diệt trừ tất cả mọi tội. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam! Ví như những cây thuốc, tất cả rừng rậm, trăm thứ lúa, mía đường, hoa quả trên đại địa, gặp thời tiết nóng hạn lớn, sắp khô chết, vua rồng Nan-đà và Bà-nan-đà thương xót chúng sinh, từ biển cả xuất hiện, tuôn xuống mưa cam lồ thì tất cả rừng rậm, trăm thứ lúa, cỏ cây thấm nhuần mà sống trở lại. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, thiện căn của họ sắp muốn tiêu diệt, chư Phật, Bồ-tát phát sinh đại từ bi, từ biển trí tuệ tuôn mưa cam lồ khiến cho các chúng sinh trở lại được đầy đủ mười pháp thiện. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Ví như vị lương y giỏi tám thứ phương thuật, thấy các người bệnh, chẳng phân biệt đồng họ, đoan chánh, xấu hèn, tiền tài, của báu mà đều vì họ trị liệu. Vậy nên đời xưng tụng là bậc đại lương y. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh có bệnh phiền não, chẳng cần

quan sát dòng họ, đẹp đẽ, xấu hèn, tiền tài, của báu mà đều sinh lòng thương xót vì họ nói pháp. Chúng sinh nghe rồi, bệnh phiền não tiêu trừ. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Do nhân duyên gần gũi bạn lành này nên được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là nhờ nhân duyên nghe pháp mà Bồ-tát được gần với Đại Bát Niết Bàn? Tất cả chúng sinh do nghe pháp nên đủ tín căn, mà được tín căn nên ưa hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Phật. Vậy phải biết, được các pháp thiện đều là do diệu lực của nhân duyên nghe pháp này. Nay thiện nam! Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con. Ông sai con đi đến nước khác để trao đổi buôn bán. Ông chỉ cho con chỗ thông thương, ách tắc trên đường đi và dặn: “Nếu gặp dâm nữ thì dè chừng chớ thân ái. Nếu thân ái thì chôn thân mất mạng và mất cả của báu. Với người xấu ác cũng chớ giao du”. Người con ấy kính thuận lời dạy bảo của cha nên thân tâm yên ổn, thu hoạch được nhiều của cải quý báu. Đại Bồ-tát vì các chúng sinh phô diễn pháp chính yếu cũng như vậy, chỉ bày cho các chúng sinh và bốn bộ chúng sự thông suốt hay trở ngại của các con đường để những chúng này, do nghe pháp nên xa lìa các ác, đầy đủ pháp thiện. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như gương sáng soi đáng mặt người thì không hình dáng nào mà chẳng sáng rõ. Gương sáng nghe pháp cũng lại như thế, có người soi vào đó thì thấy thiện, ác rõ ràng, không bị ngăn che. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như thương nhân muốn đến chỗ của báu mà chẳng biết đường đi, có người chỉ đường, người ấy theo lời chỉ liền đến được chỗ có của báu, thu hoạch được nhiều châu báu chẳng thể kể xiết. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, muốn đến chỗ thiện để thu nhặt lấy sự quý báu của đạo mà chẳng biết tướng thông suốt hay trở ngại của con đường ấy, Bồ-tát chỉ bày cho chúng sinh đi theo được đến chỗ thiện, thu hoạch được báu Đại Niết-bàn vô thượng. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như con voi say điên

cuồng lồng lộn, bạo ác muốn giết hại nhiều. Có người quản tượng dùng móc sắt lớn, khéo léo móc vào đỉnh đầu voi ấy, tức thời nó bị điều phục, lòng ác hết sạch. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, vì say mê tham dục, sân hận, ngu si nên muốn tạo nhiều việc ác. Các Bồ-tát dùng móc nghe pháp, khéo léo móc lấy khiến cho họ dừng lại, chẳng khởi tâm tạo các việc ác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên ở khắp nơi trong kinh, Ta nói rằng, đệ tử của Ta chuyên tâm nghe thọ Mười hai bộ loại kinh điển thì lìa khỏi năm cái, tu bảy giác phần. Do tu tập bảy giác phần nên được gần Đại Bát Niết Bàn. Do nghe pháp nên bậc Tu-đà-hoàn lìa khỏi các sợ hãi. Vì sao? Vì như ông trưởng giả Tu-đạt, thân gặp bệnh nặng, lòng buồn rầu lo sợ. Ông nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói về Tu-đà-hoàn có bốn công đức và mười thứ an ủi. Nghe những điều này rồi, thì sợ hãi liền trừ diệt. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vì sao? Vì được mở pháp nhãn. Đời có ba hạng người, một là người đui mù, hai là người một mắt, ba là người hai mắt. Người đui mù thì thường chẳng nghe pháp. Người một mắt thì tuy nghe pháp nhưng lòng họ chẳng ghi nhớ. Người hai mắt thì chuyên tâm nghe thọ, theo đúng điều đã nghe mà thực hành. Do nghe pháp nên được biết ba hạng người như vậy của thế gian. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Như Ta thuở trước khi ở thành Câu-thi-na, khi ấy Xá-lợi-phất thân gặp bệnh khổ. Ta dặn dò Tỳ-kheo Anan rộng vì mọi người nói pháp. Xá-lợi-phất nghe việc này rồi, bảo bốn đệ tử: “Các ông hãy khiêng giường của ta đi đến chỗ Đức Phật, ta muốn nghe pháp”. Bốn người đệ tử vâng lệnh khiêng đến, ông đã nghe được pháp, nhờ lực nghe pháp nên bệnh khổ trừ khỏi, thân được yên ổn. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là Bồ-tát nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn? Nhân tư duy này mà tâm được giải thoát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thường bị sự trói buộc của năm dục, nhờ tư duy nên được giải thoát. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà

được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả chúng sinh thường bị bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Do tư duy nên được thấy các pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thấy như vậy rồi thì bốn điên đảo liền đoạn trừ. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả các pháp có bốn thứ tướng. Những gì là bốn? Một là tướng sinh, hai là tướng già, ba là tướng bệnh, bốn là tướng diệt. Do bốn tướng này có thể khiến cho tất cả chúng sinh phạm phu cho đến Tu-đà-hoàn sinh ra khổ não lớn. Nếu người có thể nhiếp ý niệm khéo tư duy thì tuy gặp bốn tướng này nhưng chẳng sinh mọi khổ. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả pháp thiện không gì chẳng nhân tư duy này mà được. Vì sao? Vì có người tuy ở vô lượng vô biên vô số kiếp chuyên tâm nghe pháp, nhưng nếu chẳng tư duy thì nhất định chẳng thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh tin Phật, Pháp, Tăng không có biến đổi mà sinh lòng cung kính thì phải biết đều chính là sức của nhân duyên nhiếp niệm tư duy và nhân đó được đoạn trừ tất cả phiền não. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là Bồ-tát như pháp tu hành? Này thiện nam! Đoạn trừ pháp ác, tu tập pháp thiện. Đó gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, sao gọi là như pháp tu hành? Thấy tất cả pháp trống rỗng, không sở hữu, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do sự thấy này nên thà xả bỏ thân mạng, chẳng phạm giới cấm. Đó gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, thế nào gọi là như pháp tu hành? Tu có hai thứ, một là chân thật, hai là chẳng chân thật. Chẳng thật thì chẳng biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không v.v... Đó gọi là chẳng thật. Thế nào gọi là chân thật? Có thể biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không v.v... Đó gọi là chân thật. Thế nào gọi là biết tướng Niết-bàn? Tướng Niết-bàn có tám tính chất. Những gì là tám? Một là tận, hai là tánh thiện, ba là thật, bốn là chân, năm là thường, sáu là lạc, bảy là



ngã, tám là tịnh. Đó gọi là Niết-bàn. Lại có tám tính chất. Những gì là tám? Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh. Lại có sáu tướng, một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh. Nếu có chúng sinh nương theo đạo thế tục, đoạn trừ phiền não thì Niết-bàn như vậy có tám việc giải thoát chẳng thật. Vì sao? Vì vô thường. Do vô thường nên không có thật, vì không có thật nên không có chân; tuy đoạn phiền não nhưng rồi sẽ khởi trở lại nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đó gọi là tám việc giải thoát của Niết-bàn. Sao gọi là sáu tướng? Thanh văn, Duyên giác đoạn được phiền não nên gọi là giải thoát mà chưa có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là chẳng thật. Do chẳng thật nên gọi là chẳng chân, đời vị lai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là vô thường. Do được tám chánh đạo vô lậu nên gọi là tịnh lạc. Đây thiện nam! Nếu biết như vậy thì chính là biết Niết-bàn, chẳng gọi là Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không. Thế nào là Bồ-tát biết Phật tánh? Phật tánh có sáu. Những gì là sáu? Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là đương kiến, sáu là chân. Lại có bảy việc, một là khả năng chứng, sáu cái còn lại như trên. Đó gọi là Bồ-tát biết đến Phật tánh. Thế nào là Bồ-tát biết tướng Như Lai? Như Lai tức là tướng giác, tướng thiện, thường, lạc, ngã, tịnh, giải thoát, chân thật thị hiện đạo có thể thấy. Đó gọi là Bồ-tát biết tướng Như Lai. Thế nào là Bồ-tát biết tướng của pháp? Pháp thì hoặc thiện hay chẳng thiện, hoặc thường hay vô thường, hoặc vui hay chẳng vui, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc biết hay chẳng biết, hoặc hiểu hay chẳng hiểu, hoặc chân hay chẳng chân, hoặc tu hay chẳng tu, hoặc thầy hay chẳng phải thầy, hoặc thật hay chẳng thật. Đó gọi là Bồ-tát biết đến tướng của pháp. Thế nào là Bồ-tát biết đến tướng của Tăng? Tăng thì hoặc là thường, lạc, ngã, tịnh, là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, thiện, chân, chẳng thật. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn đều đắc Phật đạo. Thế nào là chân? Vì giác ngộ pháp tánh. Đó gọi là Bồ-tát biết đến tướng của Tăng. Thế nào là Bồ-tát biết tướng thật? Tướng thật thì hoặc thường

hay vô thường, hoặc vui hay không vui, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc có hay không, hoặc Niết-bàn hay chẳng phải Niết-bàn, hoặc giải thoát hay chẳng phải giải thoát, hoặc biết hay chẳng biết, hoặc đoạn hay chẳng đoạn, hoặc chứng hay chẳng chứng, hoặc tu hay chẳng tu, hoặc thấy hay chẳng thấy. Đó gọi là tướng thật, chẳng phải Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không. Đó gọi là Bồ-tát nhờ tu Đại Niết-bàn như vậy mà biết được Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng các pháp sai biệt như hư không v.v... Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn chẳng thấy hư không. Vì sao? Vì Phật và Bồ-tát tuy có năm nhãn nhưng chẳng thấy. Chỉ có tuệ nhãn mới có thể thấy hư không đó. Cái thấy của tuệ nhãn là không có pháp có thể thấy. Vậy nên gọi là thấy. Nếu thấy không có vật gọi là hư không thì hư không như vậy mới gọi là thật. Do sự thật này nên gọi là thường không có. Do thường không có nên không có lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Trống không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là trống không. Ví như thế gian không có vật gọi là trống không. Tánh hư không cũng như vậy, không sở hữu nên gọi là hư không. Đây thiện nam! Tánh của chúng sinh cùng tánh hư không đều không thật tánh. Vì sao? Vì như người nói, trừ diệt vật có, sau đó thành ra không, nhưng mà hư không này thật chẳng thể tạo thành. Vì sao? Vì không sở hữu. Do không có nên phải biết là không có không. Tánh của hư không này nếu có tạo tác thì gọi là vô thường, mà nếu vô thường thì chẳng gọi là hư không. Đây thiện nam! Như người thế gian nói, hư không không sắc, không ngăn ngại, thường trụ chẳng biến dịch. Vậy nên đời xưng pháp hư không là “đại” thứ năm. Đây thiện nam! Nhưng hư không này thật không có tánh. Do ánh sáng nên gọi là hư không, thật ra không có hư không. Giống như thế đế thật ra không có tánh ấy, nhưng vì chúng sinh nên nói có thế đế. Đây thiện nam! Thể của Niết-bàn cũng như vậy, không có trụ xứ, chỉ là chỗ đoạn phiền não của các Đức Phật nên gọi là Niết-bàn. Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Niết-bàn tuy lạc nhưng chẳng phải thọ lạc mới là niềm vui tịch diệt thượng diệu. Chư Phật Như Lai có hai thứ lạc, một là tịch diệt lạc, hai là giác tri lạc.

Thế của thật tướng có ba thứ lạc, một là thọ lạc, hai là tịch diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một lạc, do thường kiến nên khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là Bồ-đề lạc.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chỗ đoạn phiền não là Niết-bàn thì việc này chẳng phải vậy. Vì sao? Vì Như Lai thọ trước mới thành Phật, đến bên dòng sông Ni-liên-thiên. Lúc này, Ma vương cùng quyến thuộc đến chỗ Đức Phật nói: “Thưa Thế Tôn! Thời gian Niết-bàn đến rồi. Vì sao Phật chẳng vào Niết-bàn?”. Đức Phật bảo: “Này Ma vương! Ta nay chưa có nhiều đệ tử đa văn, giỏi giữ gìn giới cấm, trí tuệ thông minh, lanh lợi có thể giáo hóa chúng sinh. Vậy nên ta chẳng vào”. Nếu nói, chỗ đoạn phiền não là Niết-bàn thì các Bồ-tát v.v... ở vô lượng kiếp đã đoạn dứt phiền não thì vì sao chẳng được gọi là Niết-bàn? Cùng đều là chỗ đoạn nhưng vì duyên gì chỉ nói chư Phật có Niết-bàn còn Bồ-tát thì không? Nếu đoạn phiền não chẳng phải Niết-bàn thì vì sao Như Lai thọ trước bảo Bà-la-môn Sinh Danh rằng: “Thân này của Ta hôm nay tức là Niết-bàn”. Lại nữa, khi Như Lai ở tại nước Tỳ-xá-ly, Ma vương lại thưa thỉnh Như Lai: “Thuở xưa vì chưa có đệ tử đa văn, trì giới, trí tuệ thông minh, lanh lợi có thể giáo hóa chúng sinh nên chẳng vào Niết-bàn, nay đã đầy đủ vì sao chẳng vào?”. Bấy giờ, Đức Như Lai liền bảo Ma vương: “Ông nay chớ sinh tư tưởng chậm trễ. Sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn”. Bạch Thế Tôn! Giả sử diệt độ chẳng phải là Niết-bàn thì vì sao Như Lai tự hẹn sau ba tháng sẽ vào Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Nếu đoạn trừ phiền não là Niết-bàn thì Như Lai thọ trước mới ở tại dưới đạo tràng Bồ-đề, khi đoạn trừ phiền não liền chính là Niết-bàn thì vì sao nay lại nói sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn? Thưa Thế Tôn! Giả sử, bấy giờ Niết-bàn thì sao nói với các Lực sĩ của thành Câu-thi-na, cuối đêm sẽ vào Niết-bàn? Như Lai thành thật mà sao phát lời nói hư dối này?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu nói, Như Lai được tướng lưỡi rộng dài thì phải biết Như Lai ở vô lượng kiếp đã lìa khỏi vọng ngữ. Tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát, phàm đã nói ra là thành thật chắc chắn, không hư dối. Này thiện nam! Như lời ông nói, ma Ba-tuần thuở trước thưa thỉnh Ta vào Niết-bàn, nhưng này thiện nam! Ma vương này thật ra chẳng biết tướng định của Niết-bàn. Vì sao? Vì ý của ma Ba-tuần cho là chẳng giáo hóa chúng sinh mặc nhiên mà trụ tức là Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như người đời thấy người chẳng nói, không làm liền cho là người này như chết, không khác. Ma Ba-tuần cũng như vậy, cho là Như Lai chẳng hóa độ chúng sinh, lặng thinh không nói là Như Lai đã vào Niết-bàn. Này thiện nam! Như Lai chẳng nói Phật, Pháp, Tăng không có tướng sai biệt mà chỉ nói hai pháp thường trụ, thanh tịnh không sai biệt. Này thiện nam! Như Lai cũng chẳng nói, Phật và Phật tánh, Niết-bàn không có tướng sai biệt mà chỉ nói, thường hằng, bất biến không sai biệt. Này thiện nam! Phật cũng chẳng nói Niết-bàn thật tướng không có tướng sai biệt mà chỉ nói, thường trụ thật chẳng biến dịch không sai biệt. Này thiện nam! Bấy giờ, các đệ tử Thanh văn của Ta sinh ra tranh tụng như các Tỳ-kheo ác Câu-diêm-di làm trái lời dạy của Ta, phạm nhiều giới cấm, nhận vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng, hưởng về những người bạch y mà tự ngợi khen: “Ta được vô lậu, gọi là quả Tu-đà-hoàn cho đến được quả A-la-hán”, hủy nhục người khác, đối với Phật, Pháp, Tăng, giới luật, Hòa thượng chẳng sinh lòng cung kính. Công khai ở trước Ta nói, những vật như vậy Đức Phật cho phép cất chứa, những vật như vậy Đức Phật không cho phép cất chứa. Ta cũng nói, những vật như vậy Ta quả thật chẳng cho phép. Những người ác như vậy chẳng tin lời nói của Ta. Vì những người này nên Ta bảo ma Ba-tuần: “Người chớ cho là chậm trễ, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn”. Này thiện nam! Nhân những Tỳ-kheo ác khiến cho những đệ tử Thanh văn thọ học chẳng thấy thân Ta, chẳng nghe pháp của Ta, liền nói, Đức Như Lai vào Niết-bàn. Chỉ có các Bồ-tát có thể thấy thân Ta thường trụ, nghe pháp của Ta nên chẳng nói, Ta vào Niết-bàn. Đệ tử Thanh văn tuy lại phát ra lời, Như Lai Niết-bàn, nhưng mà Ta thật chẳng vào Niết-bàn. Này thiện nam! Nếu đệ tử Thanh văn của Ta,

có người nói, Như Lai vào Niết-bàn thì phải biết người này chẳng phải là đệ tử của Ta, đó là bè đảng của ma, là người ác tà kiến, chẳng phải là chánh kiến. Nếu có người nói, Như Lai chẳng vào Niết-bàn thì phải biết đó là đệ tử chân thật của Ta, chẳng phải là bè đảng của ma, là người chánh kiến, chẳng phải là tà kiến. Này thiện nam! Ta trước kia chẳng thấy trong hàng đệ tử có người nói, Như Lai chẳng giáo hóa chúng sinh, mặc nhiên mà an trụ gọi là Bát-niết-bàn. Này thiện nam! Ví như ông trưởng giả có nhiều con, bỏ đi đến phương khác mà chưa trở về được. Các con đều cho là người cha đã chết mà ông trưởng giả này thật chẳng chết. Các con của ông đều sinh tưởng điên đảo cho là đã chết. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, chẳng thấy Ta nên liền cho là Như Lai đã nhập Niết-bàn ở vùng Ta-la song thọ của thành Câu-thi-na, nhưng Ta thật chẳng nhập Niết-bàn mà đệ tử Thanh văn sinh ra tưởng Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như đèn sáng, có người che nó, người khác không biết cho là đèn đã tắt. Nhưng ánh sáng đèn này thật ra chẳng tắt mà do chẳng biết nên sinh tưởng về đèn tắt đó thôi. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, tuy có tuệ nhãn nhưng do phiền não che khuất nên khiến cho tâm điên đảo, chẳng thấy chân thân mà liền vọng sinh ra tư tưởng diệt độ. Nhưng Ta thật chẳng rốt ráo diệt độ. Này thiện nam! Như người mù bẩm sinh chẳng thấy mặt trời, mặt trăng. Vì chẳng thấy nên họ chẳng biết tưởng ngày đêm, sáng tối. Vì chẳng biết nên họ liền nói thật không có mặt trời, mặt trăng. Thật sự có mặt trời, mặt trăng mà do người mù chẳng thấy. Do chẳng thấy mà sinh tư tưởng điên đảo nên họ nói, không có mặt trời, không có mặt trăng. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, như người mù bẩm sinh kia, chẳng thấy Như Lai liền cho là Như Lai vào Niết-bàn. Nhưng Như Lai thật chẳng vào Niết-bàn, do tưởng điên đảo nên họ sinh tâm như vậy. Này thiện nam! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng. Người ngu si liền nói, không có mặt trời, mặt trăng mà mặt trời, mặt trăng là thật có, nhưng vì bị che khuất nên chúng sinh chẳng thấy đó thôi. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, vì các phiền não che khuất mắt trí tuệ nên chẳng thấy Như Lai, liền nói Như Lai diệt độ. Này thiện nam! Chính là Như Lai thị hiện hạnh anh nhi chẳng phải là diệt độ. Này thiện nam! Như khi mặt trời

của cõi Diêm-phù-đề lặn thì chúng sinh chẳng thấy vì núi Đen ngăn che. Nhưng mặt trời này tánh chân thật, không lặn mất, do chúng sinh chẳng thấy nên sinh tư tưởng lặn mất. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, bị sự che phủ của những núi phiền não nên chẳng thấy thân Ta. Do chẳng thấy nên họ liền đối với Như Lai sinh tư tưởng diệt độ, mà Ta chân thật chẳng rốt ráo diệt độ. Vậy nên, ở thành Tỳ-xá-ly, Ta bảo ma Ba-tuần: “Sau ba tháng nữa, Ta sẽ Niết-bàn”. Đây thiện nam! Như Lai thấy trước Bồ-tát Ca-diếp sau ba tháng nữa thì căn lành sẽ thành thực, cũng thấy trước ông Tu-bạt-đà-la ở núi Hương an cư xong rồi sẽ đến chỗ Ta. Vậy nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Đây thiện nam! Có các Lực sĩ mà số đến năm trăm người, ba tháng nữa cũng sẽ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta vì những điều đó nên bảo với ma Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Đây thiện nam! Như ông Thuần-đà và năm trăm người con gái Ly-xa-am-la-quả, sau ba tháng nữa thì thiện căn của đạo tâm vô thượng sẽ thành thực. Vì những người đó nên Ta bảo ma Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Đây thiện nam! Ông Tu-na-sát-đa gần gũi ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v... Ta vì người đó nói pháp trọn mười hai năm mà người tà kiến đó chẳng tin, chẳng thọ. Ta biết gốc rễ tà kiến của người này sau ba tháng nữa nhất định có thể nhổ đứt. Ta vì việc này nên bảo với ma Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Đây thiện nam! Vì nhân duyên gì mà thuở trước, ở bên dòng sông Ni Liên, Ta bảo với ma Ba-tuần, Ta nay chưa có đệ tử nhiều trí tuệ, nên chẳng vào Niết-bàn. Khi đó Ta vì muốn năm vị Tỳ-kheo ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân. Tiếp theo Ta lại vì muốn năm Tỳ-kheo như là Gia-xa, Phú-na, Tỳ-ma-la-xà, Kiêu-phạm-ba-đề, Tu-bà-hầu, tiếp theo lại vì muốn các ông trưởng giả Úc-già gồm năm mươi người v.v... thứ đến lại vì muốn vua Tần-bà-ta-la của nước Ma-già-đà cùng vô lượng hàng trời, người v.v... thứ đến lại vì muốn Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp với môn đồ gồm năm trăm Tỳ-kheo, thứ đến lại vì muốn hai anh em Na-đề Ca-diếp, Đà-già Ca-diếp và năm trăm đệ tử, thứ đến lại vì muốn Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên với hai trăm năm mươi Tỳ-kheo v.v... chuyển bánh xe diệu pháp. Vậy nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần,

chẳng nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Có cái tên là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn? Do chẳng thấy Phật tánh mà đoạn phiền não gọi đó là Niết-bàn, chẳng phải Đại Niết-bàn. Do chẳng thấy Phật tánh nên vô thường, vô ngã, chỉ có lạc và tịnh. Do nghĩa này nên tuy đoạn phiền não nhưng chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Nếu thấy Phật tánh có thể đoạn phiền não thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên đoạn trừ phiền não thì cũng được xưng là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Niết là “chẳng”. Bàn là “diệt”. Nghĩa chẳng diệt gọi là Niết-bàn. Lại nữa, chữ bàn nghĩa là che. Nghĩa chẳng che là Niết-bàn. Bàn nghĩa là khứ lai, chẳng khứ, chẳng lai là Niết-bàn. Bàn nghĩa là nắm bắt, chẳng nắm bắt là Niết-bàn. Bàn nghĩa là bất định, định không bất định mới gọi là Niết-bàn. Bàn nghĩa là mối, không mối nên gọi là Niết-bàn. Bàn nghĩa là chướng ngại, nghĩa không chướng ngại nên mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Có đệ tử của Ưu-lâu-ca, Ca-tỳ-la v.v... nói, Bàn là tướng, nghĩa vô tướng thì mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Bàn là có, nghĩa không có mới gọi là Niết-bàn. Bàn là hòa hợp, nghĩa không hòa hợp mới gọi là Niết-bàn. Bàn là khổ, nghĩa không khổ mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Đoạn trừ phiền não thì chẳng gọi là Niết-bàn, chẳng sinh ra phiền não mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Chư Phật Như Lai chẳng khởi phiền não thì đó gọi là Niết-bàn. Có trí tuệ đối với pháp không ngăn ngại thì đó là Như Lai. Như Lai chẳng phải là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mà đó gọi là Phật tánh. Thân tâm trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi, không có sự chướng ngại thì đó gọi là hư không. Như Lai thường trụ không biến dịch thì gọi là thật tướng. Do nghĩa này nên Như Lai chân thật chẳng rời Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.

Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tám? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì đoạn trừ năm việc, lìa xa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, thân cận bốn việc, tin thuận một sự thật, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Này thiện nam! Thế

nào là Bồ-tát đoạn trừ năm việc? Đó là đoạn trừ năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là ấm? Có thể khiến cho chúng sinh sinh tử nối tiếp nhau, chẳng lìa khỏi gánh nặng, phân tán tụ hợp thuộc về ba đời, tìm cầu nghĩa thật của nó rõ ràng chẳng thể được, do những nghĩa này nên gọi là ấm. Đại Bồ-tát tuy thấy sắc ấm nhưng chẳng thấy tướng của sắc ấy. Vì sao? Vì ở trong mười sắc mà tìm kiếm tánh của nó đều chẳng thể được. Vì thế giới nên nói là ấm. Thọ có một trăm lẻ tám. Tuy thấy thọ ấm nhưng đầu tiên không có tướng thọ. Vì sao? Thọ tuy một trăm lẻ tám nhưng lý không nhất định chân thật. Vậy nên Bồ-tát chẳng thấy thọ ấm. Tưởng, hành, thức v.v... cũng như vậy. Đại Bồ-tát thấy sâu năm ấm chính là cội gốc phát sinh phiền não. Do nghĩa này nên dùng phương tiện khiến cho chúng đoạn trừ. Sao gọi là Bồ-tát xa lìa năm việc? Đó là xa lìa năm kiến. Những gì là năm? Một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới thủ, năm là kiến thủ. Nhân năm kiến này sinh ra sáu mươi hai kiến. Nhân những kiến này mà sinh tử chẳng dứt. Vậy nên Bồ-tát phòng hộ chẳng gần gũi. Sao gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm Thiên, năm là niệm Thí, sáu là niệm Giới. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc. Sao gọi là Bồ-tát tu tập năm việc? Đó là tu tập năm định, một là định tri, hai là định tịch, ba là định thân tâm thọ an lạc, bốn là định vô lạc, năm là định Thủ-lăng-nghiêm. Tu tập năm thứ định tâm như vậy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Bồ-tát phải siêng năng tu tập. Thế nào là Bồ-tát giữ gìn một việc? Đó là giữ gìn tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát thường phải siêng giữ gìn tâm Bồ-đề, giống như người đời giữ gìn con một, cũng như kẻ chợt giữ gìn con mắt còn lại, như người đi giữa chốn hoang vắng giữ gìn kẻ dẫn đường. Bồ-tát giữ gìn tâm Bồ-đề cũng như vậy. Nhân giữ gìn tâm Bồ-đề như vậy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhân được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Vậy nên Bồ-tát giữ gìn một pháp. Thế nào là Bồ-tát thân cận bốn việc? Đó là bốn tâm vô lượng. Những gì là bốn? Một là đại từ, hai là đại bi, ba là đại hỷ, bốn là đại xả. Nhân bốn tâm này có thể khiến



cho vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Vậy nên Bồ-tát chuyên tâm gần gũi. Thế nào là Bồ-tát tin thuận một sự thật? Bồ-tát biết rõ tất cả chúng sinh đều về một đạo. Một đạo là Đại Thừa. Chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh nên phân thừa đó làm ba. Vậy nên Bồ-tát tin thuận chẳng nghịch lại. Thế nào là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Tâm tham, sân, si đoạn diệt vĩnh viễn thì đó gọi là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát. Thế nào là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp biết không có chướng ngại. Đó gọi là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát. Nhờ tuệ giải thoát nên điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe, điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy, nơi xưa chẳng đến mà nay được đến.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tâm giải thoát thì nghĩa chẳng vậy. Vì sao? Vì tâm vốn không trói buộc. Vì sao như thế? Vì bản tánh của tâm không có sự trói buộc của các kiết tham dục, sân hận, ngu si. Nếu vốn không trói buộc thì sao nói tâm hoàn toàn giải thoát? Thừa Thế Tôn! Nếu bản tánh của tâm chẳng bị sự ràng buộc của tham kiết thì do nhân duyên gì mà có thể buộc? Như người vắt vào sừng vốn không có tướng sữa thì tuy thêm công lực, sữa cũng không từ đó ra. Người vắt vào vú thì chẳng như vậy, sữa tuy ít nhưng thêm công lực thì ra nhiều. Tâm cũng như vậy, vốn không tham thì sao nay lại có? Nếu tâm vốn không tham mà sau mới có thì chư Phật, Bồ-tát vốn không tướng tham thì nay đều nên có. Bạch Thế Tôn! Ví như người con gái bằng đá vốn không tướng con, tuy thêm nhiều công lực với vô lượng nhân duyên nhưng con chẳng thể có được. Tâm cũng như vậy, vốn không tướng tham thì tuy tạo đủ mọi duyên nhưng tham không từ đó sinh ra. Bạch Thế Tôn! Như dùi gỗ ẩm ướt thì lửa chẳng thể phát. Tâm cũng như vậy, tuy dùi cầu tham nhưng chẳng thể được, vậy sao gọi là tham kiết có thể ràng buộc tâm? Bạch Thế Tôn! Ví như ép cát thì chẳng thể được dầu. Tâm cũng như vậy, tuy lại ép tâm nhưng tham chẳng thể có được. Phải biết, tham và tâm hai lý đều khác mà giả sử lại có tham thì sao có thể làm bản tâm? Bạch Thế Tôn! Ví như có người cầm cọc giữa hư không thì nhất

định chẳng đứng được, đặt tham vào tâm cũng như vậy, dù cho đủ thứ nhân duyên cũng chẳng thể khiến cho tham ràng buộc được tâm. Bạch Thế Tôn! Nếu tâm không tham gọi là giải thoát thì chư Phật, Bồ-tát vì sao chẳng nhổ gai nhọn trong hư không? Thưa Thế Tôn! Tâm đời quá khứ chẳng gọi là giải thoát, tâm đời vị lai cũng không gọi là giải thoát, tâm đời hiện tại chẳng cùng với đạo thì tâm của đời nào gọi là được giải thoát? Thưa Thế Tôn! Như vậy đèn quá khứ chẳng thể diệt tối, đèn vị lai cũng chẳng thể diệt tối, đèn hiện tại lại chẳng diệt tối. Vì sao? Vì ánh sáng cùng bóng tối, cả hai chẳng tồn tại đồng thời. Tâm cũng như vậy, thì làm sao mà nói tâm được giải thoát? Bạch Thế Tôn! Tham cũng là có, nếu tham không có thì khi thấy tướng nữ chẳng nên sinh tham. Nếu nhân tướng nữ mà được sinh ra thì phải biết là tham chân thật là có và do có tham nên đọa vào ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Ví như có người thấy bức vẽ hình người con gái cũng lại sinh tham. Do sinh tham nên bị đủ thứ tội. Nếu vốn không tham thì sao thấy bức họa mà sinh ra tham? Nếu tâm không tham thì sao Như Lai nói, tâm Bồ-tát được giải thoát? Nếu tâm có tham thì sao thấy tướng rồi sau đó mới sinh? Còn chẳng thấy tướng thì chẳng sinh? Con nay hiện thấy có quả báo ác thì phải biết là có tham dục; sân hận, ngu si cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như chúng sinh có thân vô ngã mà các phàm phu chấp tướng là ngã, tuy có tướng về ngã nhưng chẳng đọa vào ba đường ác thì sao người tham đối với tướng không nữ mà khởi lên tướng nữ bị đọa vào ba đường ác? Thưa Thế Tôn! Ví như dùi cây sinh ra lửa. Nhưng tánh lửa này trong mọi duyên không có thì do nhân duyên gì mà được sinh ra? Bạch Thế Tôn! Tham cũng như vậy, trong sắc không có tham và hương, vị, xúc, pháp cũng lại không tham thì sao đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp mà sinh ra tham? Nếu trong mọi duyên đều không tham thì sao chỉ một mình chúng sinh sinh ra tham, còn chư Phật, Bồ-tát chẳng sinh? Bạch Thế Tôn! Tâm cũng chẳng định. Nếu tâm định thì không có tham dục, sân hận, ngu si. Nếu tâm chẳng định thì làm sao mà nói tâm được giải thoát? Tham cũng chẳng định, mà nếu chẳng định thì làm sao nhân đó sinh ra ba đường ác? Tham và cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì sao? Vì đều duyên vào một sắc rồi hoặc sinh ra

tham, hoặc sinh ra sân, hoặc sinh ra ngu si. Vậy nên cùng với cảnh giới, cả hai đều bất định. Nếu chúng đều bất định thì vì sao Như Lai nói Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì tâm được giải thoát?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Tâm cũng chẳng bị sự trói buộc của tham kiết, cũng chẳng phải chẳng trói buộc, chẳng phải là giải thoát, chẳng phải chẳng giải thoát, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai. Vì sao? Này thiện nam! Vì tất cả các pháp không tự tánh. Này thiện nam! Có các ngoại đạo nói: “Nhân duyên hòa hợp thì có kết quả sinh. Nếu trong mọi duyên vốn không có tánh sinh mà có thể sinh ra quả thì hư không chẳng sinh đáng lẽ sinh ra quả. Hư không chẳng sinh chẳng phải là nhân mà do trong mọi duyên vốn có tánh quả. Vậy nên tập hợp mà được sinh ra quả. Vì sao? Vì như Đê-bà-đạt muốn tạo tường vách thì lấy bùn đất chẳng lấy màu sắc, muốn tạo bức tượng vẽ thì gom màu chẳng lấy cỏ cây, may áo thì lấy vải lụa chẳng lấy bùn cây, làm nhà thì lấy bùn chẳng lấy vải lụa. Do người lấy nên phải biết là trong đó đều có thể sinh ra quả. Do có thể sinh ra quả nên phải biết là trong nhân nhất định trước có tánh. Nếu không tánh thì trong một vật cần phải sinh ra tất cả các vật. Nếu nó có thể lấy, có thể tạo tác, có thể sinh ra thì phải biết là trong đó nhất định trước đã có quả. Nếu không có quả thì người chẳng lấy, chẳng làm, chẳng sinh ra mà chỉ có hư không không lấy, không làm nên có thể sinh ra tất cả vạn vật. Do có nhân nên hạt Ni-câu-đà ở cây Ni-câu-đà, trong sữa có đề hồ, trong tơ có vải, trong bùn có bình”. Này thiện nam! Tất cả phàm phu bị vô minh làm mờ tối tạo tác ra định thuyết này: Sắc có nghĩa tham đắm, tâm có tánh tham, lại nói, tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát, gặp nhân duyên tham thì tâm sinh ra tham, nếu gặp giải thoát thì tâm giải thoát. Tuy họ tạo ra lý thuyết này nhưng nghĩa đó chẳng đúng. Có những phàm phu lại nói: “Trong tất cả nhân đều không có quả. Nhân có hai thứ, một là vi tế, hai là thô. Tế tức là thường, thô thì vô thường. Từ nhân vi tế chuyển thành nhân thô, rồi từ nhân thô này chuyển lại thành

quả. Nhân thô vô thường nên quả cũng vô thường”. Này thiện nam! Có các phàm phu lại nói: “Tâm cũng không nhân, tham cũng không nhân. Do thời tiết nên sinh ra tâm tham”. Hạng người như vậy do chẳng thể biết nhân duyên của tâm nên luân hồi trong sáu đường, chịu đủ sinh tử. Này thiện nam! Ví như con chó bị cột vào trụ, trợn ngày chạy quanh cây trụ, chẳng thể rời khỏi. Tất cả phàm phu cũng như vậy, bị gông vô minh trói buộc vào trụ sinh tử, chạy quanh hai mươi lăm cõi, chẳng thể rời khỏi. Này thiện nam! Ví như có người rơi vào nhà xí đã được ra khỏi rồi mà lại trở vào, như người khỏi bệnh mà lại gây nhân bệnh, như người đi đường gặp nơi hoang vắng, đã qua được rồi mà lại quay trở lại, lại như rửa sạch rồi trở lại trét bùn đất. Tất cả phàm phu cũng như vậy, đã được giải thoát vô sở hữu xứ, chỉ chưa được thoát khỏi phi tưởng phi phi tưởng xứ mà lại đi trở lại ba đường ác. Vì sao? Vì tất cả phàm phu chỉ quan sát ở kết quả, chẳng quan sát nhân duyên. Như con chó đuổi theo hòn đất, chẳng đuổi theo người. Người phàm phu cũng như vậy, chỉ quan sát kết quả, chẳng quan sát nhân duyên. Do chẳng quan sát nhân duyên nên từ phi tưởng lùi trở lại ba đường ác. Này thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát chẳng bao giờ nói chắc chắn là trong nhân có quả, trong nhân không quả, và vừa có quả vừa không có quả, chẳng phải có chẳng phải không quả. Nếu nói, trong nhân trước đã chắc chắn có quả và chắc chắn không quả, chắc chắn vừa có quả vừa không quả, chắc chắn chẳng phải có chẳng phải không quả, thì phải biết những người này đều là bè đảng của ma, hệ thuộc với ma, tức là người tham ái, người tham ái như vậy thì chẳng thể đoạn trừ vĩnh viễn sự ràng buộc của sinh tử, chẳng biết tướng của tâm và cả tướng của tham. Này thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát hiển bày trung đạo. Vì sao? Vì các vị tuy nói các pháp chẳng phải có, chẳng phải không mà chẳng quyết định. Vì sao? Vì nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân niệm mà thức được sinh ra. Thức này quyết định chẳng ở trong mắt, trong sắc, trong ánh sáng, trong tâm, trong niệm, cũng chẳng phải trung gian, chẳng phải có, chẳng phải không, từ duyên sinh ra nên gọi đó là có, không tự tánh nên gọi đó là không. Vậy nên Như Lai nói, các pháp chẳng phải có, chẳng phải không. Này thiện nam! Chư

Phật, Bồ-tát chẳng bao giờ nói xác định là tâm có tánh tịnh và tánh bất tịnh. Tâm tịnh hay bất tịnh không có chỗ trụ. Từ duyên sinh ra tham nên nói, chẳng phải không; vốn không có tánh tham nên nói, chẳng phải có. Nay thiện nam! Từ nhân duyên nên tâm sinh ra tham, từ nhân duyên nên tâm giải thoát. Nay thiện nam! Nhân duyên có hai, một là theo sinh tử, hai là theo Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Có nhân duyên nên tâm cùng với tham sinh ra, cùng với tham diệt hết. Có nhân duyên cùng với tham sinh ra, chẳng cùng với tham diệt. Có nhân duyên chẳng cùng tham sinh mà cùng tham diệt. Có nhân duyên chẳng cùng tham sinh, chẳng cùng tham diệt. Sao gọi là tâm cùng với tham sinh ra, cùng với tham đều diệt? Nay thiện nam! Nếu có phàm phu chưa đoạn trừ tâm tham, tu tập tâm tham thì người như vậy, tâm cùng với tham sinh ra, tâm cùng với tham diệt. Tất cả chúng sinh chẳng đoạn tâm tham thì tâm cùng với tham sinh ra, tâm cùng với tham diệt. Như chúng sinh cõi Dục, tất cả đều có vị thiền Sơ địa, hoặc tu hay chẳng tu thường được thành tựu, gặp nhân duyên nên liền được ngay, nói nhân duyên là gọi hỏa tai. Tất cả phàm phu cũng như vậy, hoặc tu hay chẳng tu, thì tâm cùng với tham sinh, tâm cùng với tham diệt. Vì sao? Vì chẳng đoạn trừ tham. Sao gọi là tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt? Đệ tử Thanh văn có nhân duyên nên sinh ra tâm tham. Rồi họ sợ tâm tham nên tu quán tưởng xương trắng. Đó gọi là tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Lại có tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Như hàng Thanh văn chưa chứng được bốn quả, có nhân duyên nên sinh ra tâm tham, khi chứng bốn quả thì tâm tham được diệt. Đó gọi là tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Bạc Đại Bồ-tát khi được địa Bất động thì tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Sao gọi là tâm chẳng cùng với tham sinh mà cùng với tham diệt? Nếu Đại Bồ-tát đoạn trừ tâm tham, rồi vì chúng sinh nên thị hiện có tham, do thị hiện nên có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh thưa hỏi nghe thọ pháp thiện, thành tựu đầy đủ, thì đó gọi là chẳng cùng với tham sinh mà cùng với tham diệt. Sao gọi là chẳng cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt? Đó là A-la-hán, Duyên giác, chư Phật, trừ hàng địa Bất động. Ngoài ra còn các vị

Bồ-tát. Đó gọi là chẳng cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát chẳng quyết định nói, tâm tánh vốn tịnh, tánh vốn chẳng tịnh. Nay thiện nam! Tâm này chẳng cùng với tham kết hòa hợp, cũng lại chẳng cùng với sân si hòa hợp. Nay thiện nam! Ví như mặt trời, mặt trăng bị sự che phủ của khói, bụi, mây, mù và A-tu-la. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh chẳng thể thấy được. Tuy họ chẳng thể thấy tánh của mặt trời, mặt trăng nhưng chẳng bao giờ hòa hợp với năm sự che ngăn kia. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên nên sinh ra tham kiết. Chúng sinh tuy nói tâm cùng với tham hòa hợp nhưng mà tánh của tâm này thật chẳng cùng hòa hợp. Nếu tâm tham này tức là tánh tham hay tâm chẳng tham này tức là tánh chẳng tham thì tâm chẳng tham chẳng thể là tham và tâm tham kết chẳng thể chẳng tham. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên tham dục kết chẳng thể làm bản tâm. Chư Phật, Bồ-tát phá hoại vĩnh viễn tham kiết. Vậy nên nói, tâm được giải thoát. Tất cả chúng sinh từ nhân duyên nên sinh ra tham kết, từ nhân duyên nên tâm được giải thoát. Nay thiện nam! Ví như núi Tuyết, chỗ cheo leo chót vót, người cùng vượn đều chẳng thể đi; hoặc lại có chỗ vượn có thể đi, người chẳng thể đi; hoặc lại có chỗ người cùng vượn cả hai có thể đi. Nay thiện nam! Chỗ người cùng vượn có thể đi là như nơi các thợ săn thuận dùng nhựa keo đặt lên đó để bắt vượn. Con vượn dại nên đưa tay chạm vào, chạm rồi dính tay. Vượn muốn thoát tay nên lấy chân đạp thì chân lại mắc theo. Muốn thoát thân nên vượn dùng miệng cắn vào đó thì miệng lại dính luôn. Như vậy năm chỗ đều không thoát được. Đến đây, người thợ săn dùng gậy xâu qua con vượn khiêng về. Chỗ cao của núi Tuyết ví cho sự được chánh đạo của Phật, Bồ-tát. Vượn là ví các phàm phu. Thợ săn là ví ma Ba-tuần. Nhựa keo là ví tham dục kết. Người cùng vượn đều chẳng thể đi là ví những phàm phu, Ma vương Ba-tuần đều chẳng thể đi. Vượn có thể đi, người chẳng thể đi là ví những người có trí tuệ của ngoại đạo, những ma ác v.v... tuy do năm dục nhưng chẳng thể ràng buộc. Người cùng vượn đều có thể đi là ví tất cả phàm phu và ma Ba-tuần thường ở trong sinh tử, chẳng thể tu hành. Người phàm phu bị năm dục trói buộc, khiến cho ma Ba-tuần tự tại đem đi như

người thợ săn kia đánh bầy nhựa bắt vượn khiêng về nhà. Đây thiện nam! Ví như vị quốc vương an trụ ở nước mình thì thân tâm an vui, nếu đến cõi khác thì bị mọi khổ sở. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu có thể tự trụ ở cảnh giới của mình thì được an vui, nếu đến cảnh giới khác thì gặp ma ác chịu những khổ não. Cảnh giới của mình là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác là năm dục. Sao gọi là hệ thuộc ma? Có những chúng sinh vô thường thấy thường, thường thấy vô thường; khổ thấy vui, vui thấy khổ; chẳng tịnh thấy tịnh, tịnh thấy chẳng tịnh; vô ngã thấy ngã, ngã thấy vô ngã; chẳng phải thật giải thoát vọng thấy giải thoát, chân thật giải thoát thấy chẳng phải giải thoát; chẳng phải thừa thấy thừa, thừa thấy chẳng phải thừa... Người như vậy gọi là hệ thuộc ma, mà hệ thuộc ma thì lòng chẳng thanh tịnh. Lại nữa, đây thiện nam! Nếu thấy các pháp chân thật là có định tướng tổng biệt thì phải biết người này khi thấy sắc thì liền tạo ra sắc tướng cho đến thấy thức cũng tạo ra tướng thức, thấy nam tạo ra tướng nam, thấy nữ tạo ra tướng nữ, thấy ngày tạo ra tướng ngày, thấy tháng tạo ra tướng tháng, thấy năm tạo ra tướng năm, thấy ấm tạo ra tướng ấm, thấy nhập tạo ra tướng nhập, thấy giới tạo ra tướng giới. Người thấy như vậy thì gọi hệ thuộc ma, mà hệ thuộc ma thì tâm chẳng thanh tịnh. Lại nữa, đây thiện nam! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc và sắc thuộc về ngã cho đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức và thức thuộc về ngã... thì người thấy như vậy là hệ thuộc ma, chẳng phải là đệ tử của Ta. Đây thiện nam! Đệ tử Thanh văn của Ta xa lìa Mười hai bộ loại kinh điển của Như Lai, tu tập đủ thứ kinh sách của ngoại đạo, chẳng tu nghiệp xuất gia tịch tĩnh, toàn kinh doanh việc tại gia thế tục. Những gì gọi là việc tại gia? Nhận nuôi chứa tất cả vật bất tịnh như nô tỳ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe cộ, la, lừa, gà, chó, vượn, heo, dê, đủ thứ lúa mì v.v... xa lìa chúng Tăng, gán gửi bạch y, trái nghịch lời dạy của Thánh và hướng về những người bạch y nói: “Đức Phật cho phép Tỳ-kheo nhận nuôi chứa đủ thứ vật bất tịnh”. Đó gọi là tu tập việc tại gia. Có các đệ tử chẳng vì Niết-bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà thân cận nghe thọ mười hai bộ loại kinh điển. Dùng vật của Tăng bốn phương và y phục của Tăng, ăn mặc như tự của mình có, tham tiếc vật của nhà người khác,

khen ngợi gần gũi quốc vương và các vương tử, bói quẻ cát hung, đoán vận thịnh suy, chơi cờ vây, đánh bạc, đánh xu bồ, ném bầu, gần gũi Tỳ-kheo-ni và những gái chưa chồng, nuôi hai hạng Sa-di, thường giao du với nhà thợ săn, đồ tể, bán rượu và chỗ ở của bọn Chiên-đà-la, buôn bán đủ thứ, tay tự làm thức ăn, làm sứ giả lân quốc, thông báo tin tức. Những người như vậy thì phải biết là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Ta. Do nhân duyên này nên tâm cùng với tham sinh, tâm cùng với tham diệt. Cho đến tâm cùng với si sinh, tâm cùng với si diệt cũng như vậy. Nay thiện nam! Do nhân duyên này nên tánh của tâm chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Vậy nên Ta nói, tâm được giải thoát. Nếu có người chẳng nhận, chẳng nuôi chứa tất cả vật bất tịnh, vì Đại Niết-bàn thọ trì, đọc tụng mười hai bộ loại kinh điển, sao chép, giảng nói thì phải biết những người đó là đệ tử chân thật của Ta, chẳng làm theo cảnh giới của ma ác Ba-tuần, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Do tu tập nên họ chẳng cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tám.

